TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẤP VÒ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 20/01/2025.
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Phượng;

2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

Thư ký phiên toà: Ông Bùi Lê Phú Quý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương – Kiểm sát viên.

Vào ngày 20/01/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 343/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2024 về việc "Ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 299/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST-HNGĐ ngày 03/01/2025 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị M D, sinh năm 1981; Địa chỉ cư trú: Số 88, ấp A, xã Đ, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp; Tạm trú: Số B4, tổ 10, ấp L Giêng, xã Ph, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Anh Lê Thành K, sinh năm 1973; địa chỉ cư trú: Số 112, ấp A , xã Đ, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Trần Thị M D có mặt; Anh Lê Thành K vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị M D trình bày:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị M D và anh Lê Thành K sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1996, không có đăng ký kết hôn. Sống chung đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ năm 2006 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Kế ham mê cờ bạc, bạo lực gia đình và có người phụ nữ khác

bên ngoài, vợ chồng không quan tâm nhau, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, mạnh ai nấy sống. Nay chị Trần Thị M D yêu cầu ly hôn với anh Lê Thành K.

Về con chung: Quá trình sống chung có 02 con chung tên Lê Thành Nghĩa, sinh năm 1997 và Lê Thị Thanh Ngân, sinh năm 2002, đều đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

Về chia tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Lê Thành K biết được chị Dung khởi kiện ly hôn với anh, nhưng anh không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Dung và cũng không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng và vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, kể từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử đều đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng là bị đơn đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn chị Trần Thị M D khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Thành K, yêu cầu này phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình. Bị đơn anh Lê Thành K có địa chỉ tại huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án anh Lê Thành K đã được tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh Kế vắng mặt

không lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê Thành K.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị M D với bị đơn anh Lê Thành K sống chung như vợ chồng từ năm 1996, đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ năm 2006 cho đến nay, nhưng vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, thì: *"Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý"*. Tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng"*. Căn cứ quy định trên thì hôn nhân của chị Dung với anh Kế không được pháp luật công nhận, nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị M D và anh Lê Thành K.

[3.2] Về nuôi con chung: Chị Dung và anh Kế trong quá trình chung sống có 02 con chung tên Lê Thành Nghĩa, sinh năm 1997 và Lê Thị Thanh Ngân, sinh năm 2002 đều đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản và nợ chung: Chị Dung không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật như đã phân tích trên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Dung chịu toàn bộ tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị M D.

2. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị M D và anh Lê Thành K.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị M D chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001401 ngày 08/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp (đã nộp xong).

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H.Lấp Vò;
- Chi cục THADS H.Lấp Vò;
- UBND xã Định Yên;
- Lưu VPTA-HSVA.

Nguyễn Văn Hằng